

Xylanh tiêu chuẩn DSNU-10- -P-A

Số bộ phận: 14325



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	1 mm...100 mm
Ø pít tông	10 mm
Ren thanh pít tông	M4
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	CETOP RP 52 P ISO 6432
Đầu thanh piston	Ren ngoài
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Thân vỏ xy lanh
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	thanh pít-tông một mặt
Áp suất vận hành	0.15 MPA...1 MPA 1.5 bar...10 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.05 J
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	39.6 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	47.1 N
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	8.5 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	1 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	37.3 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	2.7 g
Kiểu gắn	với phụ kiện
Cổng nối khí nén	M5
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa không màu
Vật liệu của phớt	NBR TPE-U (PU)
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vỏ xy lanh	thép hợp kim không gỉ